



KẾ VỊ TÔNG ĐỒ

từ Thánh Evôđiô, một trong Bảy Mươi môn đệ, qua Tòa Thượng phụ Chính Thống Syria Antiôkia, cho đến ngày nay

trong dòng kế vị

ĐỨC GIÁM MỤC

GARLAND F. BYERS, JR., J.D., D.D.

Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ



1. THÁNH EVÔĐIÔ, MỘT TRONG BẢY MƯƠI MÔN ĐỆ^{CO}

*được Chúa Kitô sai đi trong số Bảy Mươi môn đệ khoảng năm 30 sau Công nguyên (Lu-ca 10:1)
giám mục tiên khởi của Antiôkia sau Thánh Phêrô, khoảng năm 53 sau Công nguyên*

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Evôđiô, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Evôđiô đến Ignatius Peter IV, Thượng phụ Antiôkia, theo danh sách các thượng phụ Antiôkia do Giáo hội Chính Thống Syria lưu giữ: chính là danh sách mà Giáo hội ấy dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Phêrô, giám mục tiên khởi của Antiôkia, người được Thánh Evôđiô kế vị.

Thánh Evôđiô được Giáo hội Chính Thống tôn kính là một tông đồ trong Bảy Mươi môn đệ; Giáo hội này mừng lễ kính ngài vào ngày 7 tháng 9 và kể ngài trong số Bảy Mươi Tông đồ được tôn kính chung vào ngày 4 tháng 1. Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính ngài là Thánh Evôđiô, giám mục Antiôkia, vào ngày 6 tháng 5, và các Giáo hội Chính Thống Cổ Đông phương, trong đó có Giáo hội Chính Thống Syria, cũng tôn kính ngài. Sử gia Eusebiô, khoảng năm 325 sau Công nguyên, đã ghi lại ngài là giám mục tiên khởi của Antiôkia sau Thánh Phêrô, và bộ Hiến chế các Tông đồ, khoảng năm 380 sau Công nguyên, ghi rằng Thánh Phêrô đã đặt ngài.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

Cp. Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.

C Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.

O Được Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

CO Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

ANTIÔKIA

Tòa Antiôkia, nơi “người ta bắt đầu xưng môn đồ là Cơ-rê-tiên” (Công Vụ các Sứ đồ 11:26), do Thánh Phêrô sáng lập trước khi ngài đến Rôma. Các giám mục và thượng phụ Antiôkia từ Thánh Ignatiô, người kế vị Thánh Evôđiô, cho đến Severus, vị thượng phụ cuối cùng mà cả Giáo hội Chính Thống Syria lẫn Giáo hội Chính Thống Hy Lạp cùng công nhận chung.

2. Th. Ignatiô ^{CO} Tử đạo	68
3. Heron I	100
4. Cornelius	127
5. Heron II	151
6. Th. Theophilus ^{CO}	169
7. Maximus I	188
8. Th. Serapion ^{CO}	191

9. Th. Asclepiades ^{CO}	212
10. Philetus	218
11. Zebinus	232
12. Th. Babylas ^{CO} Tử đạo	240
13. Fabius	253
14. Demetrian	256
15. Amphilochius	263
16. Paul thành Samosata	267
17. Domnus I	270
18. Timaeus	273
19. Cyril	277
20. Tyrannion	299
21. Vitalius	308
22. Th. Philogonius ^{CO}	314

23. Paulinus	324
24. Th. Eustathius ^{CO}	325
25. Eulalius	332
26. Euphronius	333
27. Flacillus	334
28. Stephen I	341
29. Leontius	345
30. Eudoxius	350
31. Th. Meletius ^{CO}	354
32. Anianus	357
33. Euzoius	360
34. Dorotheus	370
35. Paulinus II	371
36. Vitalius II	376
37. Th. Flavian I ^{CO}	384
38. Porphyrius	404
39. Alexander	408
40. Theodotus	418
41. John I	427
42. Domnus II	443
43. Maximus II	450
44. Basil	459
45. Acacius	459
46. Martyrius	461
47. Peter Thợ Nện Vải	465
48. Julian	466
49. Gioan II	475
50. Stêphanô II	490
51. Stêphanô III	493
52. Calandion	495
53. John Codonatus	495
54. Palladius	497
55. Flavian II	505
56. Severus	513

TÒA THƯỢNG PHỤ CHÍNH THỐNG SYRIA —

Từ khi Severus bị phế truất năm 518, các Thượng phụ Chính Thống Syria của Antiôkia, theo danh sách do Giáo hội ấy lưu giữ, cho đến Ignatius Peter IV, vị đã tấn phong Paulose Mar Athanasius làm Giám mục Kottayam năm 1877, cho Giáo hội tại Ấn Độ.

57. Sergius thành Tella	544
58. Paul II Người Đen	564
59. Peter III thành Callinicum	581
60. Julian II	591
61. Athanasius I Gammolo	595
62. John III của Sedre	631
63. Theodore	649
64. Severus II bar Masqeh	668
65. Athanasius II Baldoyo	684
66. Julian III	687
67. Elias I	709
68. Athanasius III	724
69. Iwannis I	740
70. George I	758
71. Joseph	790
72. Quriacos thành Tagrit	793
73. Dionysius I Telmaharoyo	818
74. Gioan IV	846
75. Ignatius II	878
76. Theodosius Romanus	887
77. Dionysius II	897
78. Gioan V	910
79. Basil I	923
80. Gioan VI	936
81. Iwannis II	954
82. Dionysius III	958
83. Abraham I	962
84. John VII Sarigta	965
85. Athanasius IV Salhoyo	987

86. John VIII bar Abdoun	1004
87. Dionysius IV Yahyo	1031
88. John IX bar Abdun	1049
89. Athanasius V Yahyo	1058
90. John X bar Shushan	1064
91. Basil II	1074
92. John bar Abdun	1075
93. Dionysius V Lazarus	1077
94. Iwannis III	1086
95. Dionysius VI	1088
96. Athanasius VI bar Khamoro	1091
97. John XI bar Mawdyono	1130
98. Athanasius VII bar Qatra	1139
99. Michael I người Syria	1166
100. Athanasius VIII bar Salibi	1199
101. Gioan XII	1208
102. Ignatius III David	1222
103. Dionysius VII Angur	1252
104. John XIII bar Ma'dani	1252
105. Ignatius IV Yeshu	1264
106. Philoxenus I Nemrud	1283
107. Michael II	1292
108. Michael III Yeshu	1312
109. Basil III Gabriel	1349
110. Philoxenus II	1387
111. Basil IV Simon	1421
112. Ignatius Behnam Hadloyo	1445
113. Ignatius Khalaf	1456
114. Ignatius John XIV	1484
115. Ignatius Noah	1494
116. Ignatius Yeshu I	1509
117. Ignatius Jacob I	1512
118. Ignatius David I	1519
119. Ignatius Abdullah I	1521

120. Ignatius Ni'matallah	1557
121. Ignatius David II Shah	1576
122. Ignatius Pilate	1591
123. Ignatius Hidayat Allah	1598
124. Ignatius Simon	1640
125. Ignatius Yeshu II	1655
126. Ignatius Abdulmasih I	1662
127. Ignatius George II	1687
128. Ignatius Isaac II	1709
129. Ignatius Shukrallah II	1723
130. Ignatius George III	1746
131. Ignatius George IV	1768
132. Ignatius Matthew	1782
133. Ignatius Yunan	1817
134. Ignatius George V	1819
135. Ignatius Elias II	1838
136. Ignatius Jacob II	1847
137. Ignatius Peter IV	1872

ẤN ĐỘ, TÍCH LAN VÀ HOA KỲ

Từ Paulose Mar Athanasius, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình. Cùng với Thánh Gregorios thành Parumala, Mar Athanasius và Mar Julius I đã tấn phong Joseph René Vilatte tại Colombo, Ceylon, năm 1892, với sự ưng thuận của Thượng phụ.

138. Paulose Mar Athanasius	1877
139. Antonio Francisco Xavier Alvares (Mar Julius I)	1889
140. Joseph René Vilatte (Mar Timotheos)	1892
141. Francis John Edmund Barwell- Walker	1923
142. Emile Rodriguez y Fairfield	khoảng năm 1961
143. Nils Bertil Alexander Persson	1986

DÒNG KẾ VỊ CHUNG VỚI THƯỢNG PHỤ CHÍNH THỐNG SYRIA CỦA ANTIÔKIA

Thượng phụ Chính Thống Syria của Antiôkia và toàn Đông phương hiện nay, Thượng phụ Ignatius Aphrem II, và Đức Giám mục Byers cùng chung một dòng kế vị tông đồ từ Thánh Evôđiô cho đến Thượng phụ Ignatius Peter IV (Thượng phụ Antiôkia 1872–1894). Chính tay Thượng phụ Peter IV đã tấn phong các giám mục mà từ đó cả hai dòng kế vị phát xuất: trong dòng kế vị của Thượng phụ Aphrem II là Gregorios Abded Aloho, về sau là Thượng phụ Ignatius Abded Aloho II, năm 1872; trong dòng kế vị của Đức Giám mục Byers là Paulose Mar Athanasius, Giám mục Kottayam, năm 1877.



BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

Lễ phong chức

Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

Tấn phong giám mục

Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Vị chủ phong

Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong

Giám mục Bradley A. Varvil
Giám mục Michael Byus
Giám mục James Thompson

PHỤC VỤ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.

Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang [Về Đức Giám mục](#).



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (...) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ hoa bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn “Aáy” thành “Ấy”); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản *Kinh Thánh* 1934.

Thánh Evôđiô thành Antiôkia, trường phái Ý, thế kỷ XVII. Lấy từ [Wikimedia Commons](#), public domain; đã đổi kích thước so với bản gốc.